TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2020.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Minh Lâm
2. Ông Thái Văn Lộc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện C* ***tham gia phiên toà:*** Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Hoàng T, sinh năm 1986. Địa chỉ: số 154/4E, ấp T, xã H, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh. "Vắng mặt"

Bị đơn: Anh Châu Văn B, sinh năm 1991; Địa chỉ: tổ 10, ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- Chị Ngô Thị Hoàng T trình bày:* Chị và Anh Châu Văn B chung sống từ năm 2009 đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do Anh B không lo làm ăn, vợ chồng thiếu hụt về tiền bạc nên thường xuyên gây gổ với nhau. Khi còn chung sống Anh B

đi làm hồ nhưng lấy tiền riêng để tiêu xài cá nhân, không mang tiền về lo cho gia đình, mọi chi tiêu trong gia đình do mình chị lo. Sau khi cưới anh chị ở nhà trọ tại huyện M, thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 08/2019 vợ chồng mâu thuẫn ly thân, Anh B bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh sống và đến nay bỏ địa phương đi đâu chị không liên lạc được. Từ khi ly thân đến nay Anh B không về thăm mẹ con chị, tình cảm vợ chồng không còn, không thể về hàn gắn chung sống với nhau được nữa, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Châu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 06/9/2010, hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn Anh Châu Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án biên bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn với Anh B. Về con chung giao cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh B đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho Chị T và Tòa án, nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng xét xử hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng Anh B vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị T, Anh B.

[2] Về Nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, Anh B chung sống với nhau năm

2009, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2011, tại UBND xã H, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh B đi làm nhưng không đưa tiền phụ Chị T chăm lo cho gia đình mà để tiêu xài cá nhân. Cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị ly thân từ tháng 08/2019 cho đến nay, từ khi bỏ đi Anh B không về nhà, không quan tâm đến vợ con. Chị T nhiều lần liên hệ gia đình Anh B để giải quyết mâu thuẫn nhưng Anh B không về gặp chị, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh địa phương xác định Anh B có đăng ký hộ khẩu tại tổ 3, ấp X, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trước đây Anh B sống chung với mẹ ruột, từ khi Anh B lấy vợ thì chuyển về TP. Hồ Chí Minh sinh sống, nhưng không chuyển hộ khẩu, thi thoảng có về thăm gia đình tại địa phương. Gần đây Anh B bỏ địa phương đi đâu không khai báo tạm trú tạm vắng.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị T, Anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T, xử cho chị được ly hôn với Anh B là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2,2] Về con chung: Từ khi Anh B bỏ đi đến nay cháu L sống với Chị T, tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với Chị T, qua lấy lời khai cháu L có nguyện vọng sống chung với mẹ. Anh B bỏ địa phương đi và không quan tâm đến con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T, giao cháu L cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp tâm tư nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T khai không yêu cầu giải quyết, về nợ chung Chị T khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình tham gia tố tụng Anh B không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ngô Thị Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Hoàng T được ly hôn với Anh Châu Văn B

2.Về con chung: Giao cháu Châu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 06/9/2010 cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu. Sau khi ly hôn Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Hoàng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006923 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thu